

Số: /KH-UBND

Hạ Hòa, ngày tháng năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 thuộc Dự án 4, Tiểu dự án 1 phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

Căn cứ Quyết định số 2727/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND huyện Hạ Hòa về việc phân bổ chi tiết vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 12/05/2023 của UBND huyện Hạ Hòa về việc phân bổ chi tiết vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023;

UBND huyện xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 cụ thể như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

Nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo; hộ cận nghèo; hộ mới thoát nghèo thuộc dự án 4: Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn; gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động; tạo điều kiện thuận lợi để lao động nông thôn thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo tham gia học tập nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế, nhu cầu học nghề của mình cũng như đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của người sử dụng lao động trên địa bàn huyện Hạ Hòa.

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và nhân dân về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện năm 2024 và cả giai đoạn 2021 - 2026.

##### 2. Yêu cầu

Kế hoạch đào tạo nghề đảm bảo sát thực tế nhu cầu của người lao động thuộc hộ nghèo; hộ cận nghèo; hộ mới thoát nghèo và người sử dụng lao động, gắn với giải quyết việc làm và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, tư vấn, vận động người lao động tham gia học nghề.

Tăng cường công tác quản lý, đảm bảo tiến độ, chất lượng đào tạo: thời gian học, thời gian thực hành, giáo trình, học liệu, giảng viên...

Việc đào tạo nghề phải thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục mở lớp, thanh quyết toán kinh phí, lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất nếu có.

## **II. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2024**

### **1. Phương hướng, mục tiêu, đối tượng, địa điểm và thời gian thực hiện**

#### **1.1. Phương hướng**

Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề nhằm tạo nhiều việc làm mới, chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, tăng thu nhập cho người lao động nông thôn, góp phần giảm nghèo bền vững. Chú trọng công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm và phù hợp với từng địa phương.

#### **1.2. Mục tiêu**

- Đào tạo nghề sơ cấp theo dự án 4: Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: Tổng số: 09 lớp với 315 học viên. Cụ thể:

Đào tạo theo số vốn được phân bổ năm 2022 là 03 lớp, 105 học viên thuộc nhóm nghề nông nghiệp.

Đào tạo theo số vốn được phân bổ năm 2023 là 06 lớp, 210 học viên thuộc nhóm nghề nông nghiệp.

#### **1.3. Đối tượng**

Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo dưới 36 tháng, lao động nông thôn, người lao động theo quy định, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học.

#### **1.4. Địa điểm**

Tại các xã trên địa bàn huyện bao gồm: xã Hà Lương, xã Minh Côi, xã Hương Xạ, xã Đan Thượng, xã Phương Viên, xã Tứ Hiệp, xã Xuân Áng, Vĩnh Chân và xã Yên Luật.

#### **1.5. Thời gian thực hiện**

Từ tháng 4/2024 đến tháng 12/2024.

### **2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Kiện toàn Ban chỉ đạo các cấp, có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban chỉ đạo, bố trí thời gian tham dự khai giảng, bế giảng và đi kiểm tra tình hình học tập của các lớp học nghề tại địa bàn phụ trách.

2.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, của cán bộ, công chức và nhân dân về vai trò của đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Đẩy mạnh việc thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về việc đào tạo nghề; nâng cao vai trò, vị trí của đào tạo nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, nâng cao thu nhập để người lao động hiểu biết và tích cực tham gia học nghề.

2.3. Tăng cường công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ các lớp học. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với nhiệm vụ đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát. Thành lập Ban quản lý lớp học; đảm bảo chất lượng đội ngũ giáo viên; đảm bảo giáo trình, học liệu, điều kiện thực hành, thời gian học tập cho học viên; quản lý lưu trữ hồ sơ các lớp học theo đúng quy định hiện hành.

2.4. Đẩy mạnh xã hội hóa; sử dụng có hiệu quả kinh phí đào tạo. Gắn kết chặt chẽ công tác đào tạo nghề với nhiệm vụ tư vấn, giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động; tạo cơ hội cho người lao động tìm kiếm việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp sau đào tạo; liên kết đào tạo theo địa chỉ.

2.5. Thực hiện có hiệu quả các chương trình hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Sử dụng kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn đảm bảo thiết thực, hiệu quả; thanh quyết toán kinh phí đào tạo các lớp học đảm bảo kịp thời, đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo đúng quy định.

### **3. Kinh phí thực hiện**

- Nhu cầu kinh phí đào tạo: 1.227 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí:

+ Kinh phí từ nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia: 1.227 triệu đồng trong đó: Năm 2022: 435 triệu đồng; năm 2023: 792 triệu đồng.

*(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)*

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Trách nhiệm của các phòng, đơn vị liên quan**

#### **1.1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội**

Tham mưu cho UBND huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, tổ chức kiểm tra việc thực hiện kế hoạch theo quy định.

Tham mưu thực hiện công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động đào tạo nghề. Thực hiện việc kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại các lớp theo kế hoạch.

### **1.2. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

Thực hiện việc thẩm định dự toán, hướng dẫn và thanh quyết toán kinh phí đào tạo theo quy định.

### **1.3. Phòng Giáo dục và Đào tạo**

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện đúng, đủ chương trình giáo dục hướng nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chủ động làm tốt công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở tham gia học nghề. Chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng.

### **1.4. Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm VH – TT và du lịch và Truyền thông huyện**

Tổ chức tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với lao động nông thôn về đào tạo nghề. Phối hợp với các phòng, ban, ngành, đoàn thể tuyên truyền, vận động người dân; đặc biệt đối với người dân là người dân tộc, người nghèo...tham gia học nghề.

### **1.5. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên**

Làm tốt công tác tuyên truyền, tư vấn cho người lao động, học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông tham gia học nghề; thực hiện việc ký hợp đồng đào tạo, tuyển sinh, mở các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo kế hoạch.

Đảm bảo đầy đủ hồ sơ mở lớp, lập dự toán kinh phí mở lớp, thanh quyết toán kinh phí đúng quy định; thực hiện nghiêm túc các quy định về giáo trình, giáo án, học liệu... phục vụ công tác đào tạo.

Chịu trách nhiệm quản lý các lớp học, đảm bảo chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng đào tạo đối với các lớp được ký hợp đồng. Thành lập Ban quản lý các lớp đảm bảo thời gian và chất lượng đào tạo.

## **2. Trách nhiệm của UBND các xã, thị trấn**

Chịu trách nhiệm đảm bảo về địa điểm, cơ sở vật chất, các điều kiện cần thiết để tổ chức lớp học tại địa phương.

Thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, tuyển sinh các lớp theo kế hoạch.

Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung tâm GDNN - GDTX thực hiện các thủ tục, hồ sơ mở lớp, kết thúc lớp học theo quy định.

Chịu trách nhiệm tham gia quản lý, đảm bảo sĩ số các lớp đào tạo tại địa bàn quản lý.

## **3. Đề nghị UBNDTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội huyện**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia học nghề. Phối hợp với Trung tâm GDNN - GDTX, UBND các xã, thị trấn mở các lớp đào tạo nghề cho đoàn viên, hội viên.

Trên đây là Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024. UBND huyện yêu cầu UBND các xã, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Sở Lao động-TB&XH (b/c);
- Sở Nông nghiệp&PTNT (b/c);
- TTHU, TTHĐND (b/c);
- CT, CPCT;
- Các phòng, đơn vị liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Ngô Anh Vũ**

UỶ BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẠ HÒA

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN  
THEO CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số /KH - UBND ngày / 04 / 2024 của UBND huyện Hạ Hòa)

STT	Tên nghề đào tạo	Số lượng		Địa điểm mở lớp	Định mức kinh phí mở lớp	Kinh phí hỗ trợ đối tượng chính sách	Tổng kinh phí (1.000đ)
		Số lớp	Số học viên				
<b>I</b>	<b>Lao động nông thôn (Giảm nghèo bền vững)</b>						
A	<i>Nhóm nghề nông nghiệp (Kinh phí năm 2022)</i>	3	105		261.750	173.250	435.000
1	Trồng rau an toàn	1	35	Vĩnh Chân	87.250	57.750	145.000
2	Nuôi và phòng trị bệnh cho gà	1	35	Hà Lương	87.250	57.750	145.000
3	Trồng ngô	1	35	Minh Côi	87.250	57.750	145.000
B	<i>Nhóm nghề nông nghiệp (kinh phí năm 2023)</i>	6	210		445.500	346.500	792.000
1	Nuôi và phòng trị bệnh cho gà	1	35	Phương viên	74.250	57.750	132.000
2	Nuôi và phòng trị bệnh cho trâu bò	1	35	Xuân Áng	74.250	57.750	132.000
3	Nuôi và phòng trị bệnh cho trâu bò	1	35	Tứ Hiệp	74.250	57.750	132.000
4	Trồng lúa năng suất cao	1	35	Hương xạ	74.250	57.750	132.000
5	Trồng rau an toàn	1	35	Đan Thượng	74.250	57.750	132.000
6	Nuôi và phòng trị bệnh cho lợn	1	35	Yên Luật	74.250	57.750	132.000
<b>Tổng cộng (A +B)</b>		<b>9</b>	<b>315</b>		<b>707.250</b>	<b>519.750</b>	<b>1.227.000</b>